TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2019
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B-TỈNH BÌNH PHƯỚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông: Trần Văn Lượng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Trương Đình Bắc
Bà: Điểu Thị Hương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Lâm Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Liêu Thị T - sinh năm: 1986 *(có mặt)*

2. Bị đơn: Anh Nông Văn B - sinh năm: 1977 *(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)*

Cùng địa chỉ*:* Ấp Sóc Nê, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Liêu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Chị và anh Nông Văn B kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 26/12/2005. Từ khi lấy nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017, thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác không đồng thuận nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã. Do đó, vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị nhận thấy, vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên chị Liêu Thị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn B.

Về con chung: Chị Liêu Thị T và anh Nông Văn B có với nhau 02 (hai) con chung tên Nông Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2005 và Nông Minh T, sinh ngày 20/7/2011, hiện 02 (hai) cháu đang sống cùng với anh Nông Văn B. Chị Liêu Thị T

yêu cầu được giao con chung cho anh Nông Văn B trực tiếp chăm sóc nuôi cho đến khi con chung trưởng thành, tự lao động được vì hiện tại công việc của chị chưa ổn định nên không có điều kiện để chăm sóc con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Liêu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nông Văn B khai tại biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt anh đều không đồng ý ly hôn, trong trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Nông Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2005 và Nông Minh T, sinh ngày 20/7/2011 cho đến khi 02 (hai) cháu trưởng thành, tự lao động được, anh không yêu cầu chị Liêu Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu. Tuy nhiên, anh Nông Văn B vắng mặt tại các buổi hòa giải, làm việc và tại phiên Tòa hôm nay anh Nông Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại các biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân huyện B với Ấp phó Ấp Sóc Nê, xã A là ông Phạm Công Thành, ông cho biết gia đình vợ chồng anh Nông Văn B và chị Liêu Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong quá trình chung sống giữa chị Liêu Thị T và anh Nông Văn B cũng thường xảy ra những mâu thuẫn, hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống, Ban điều hành ấp cũng đã tiến hành hòa giải động viên hai vợ chồng khắc phục tình trạng trên để tiếp tục chung sống chăm lo cho các con. Tuy nhiên, được một thời gian ngắn thì vợ chồng chị Liêu Thị T và anh Nông Văn B lại xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không được thoải mái, không hạnh phúc. Hiện nay, các con chung đang sống cùng với anh Nông Văn B, cuộc sống của các con chung ổn định và học tập tốt.

Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu tại phiên tòa.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Vị đại diện Viện kiểm sát đưa ra điều luật áp dụng để HĐXX xem xét áp dụng và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Liêu Thị T được ly hôn với anh Nông Văn B và giao con chung cho anh Nông Văn B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, HĐXX nhận định

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Liêu Thị T thuộc trường hợp *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đang cư trú và có đăng ký hộ khẩu tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Anh Nông Văn B vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Nông Văn B vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, giao nhận văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Chị Liêu Thị T và anh Nông Văn B tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2005 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nguyên nhân dẫn đến ly hôn, vợ chồng chị Liêu Thị T và anh Nông Văn B thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Anh Nông Văn B cho rằng mình vẫn còn tình cảm chưa muốn ly hôn và cũng thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân vào thời gian như trên. Tuy nhiên anh Nông Văn B cũng không có tác động hay hòa giải nào để vợ chồng đoàn tụ, nên yêu cầu của anh B không được chấp nhận . Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Liêu Thị T và anh Nông Văn B đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Liêu Thị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Liêu Thị T và anh Nông Văn B có với nhau 02 (hai) con chung tên Nông Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2005 và Nông Minh T, sinh ngày 20/7/2011, hiện nay 02 (hai) cháu đã đi học và có cuộc sống ổn định cùng với anh Nông Văn B, từ ngày hai vợ chồng sống ly thân chị Liêu Thị T không thường xuyên chăm lo giáo dục con chung. Mặt khác tại bản khai của anh B cũng thừa nhận việc đang trực tiếp chăm sóc hai con chung và đồng ý nuôi con nếu phải ly hôn anh đồng ý nuôi hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Và cũng tại bản tự ghi lời khai cháu T có nguyện vọng được sống chung với anh Nông Văn B, chị T chưa có công việc ổn định, cũng đề nghị giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và để đảm bảo sự sinh hoạt phát triển bình thường về mọi mặt của trẻ, cần chấp nhận yêu cầu của chị Liêu Thị T, giao 02 (hai) con chung cho anh Nông Văn B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, tự lao động được. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của ủy ban thường vụ quốc hội. Nguyên đơn chị Liêu Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Liêu Thị T được ly hôn với anh Nông Văn B.

2. *Về con chung:* Giao 02 (hai) con chung tên Nông Thị Cẩm T, sinh ngày 04/4/2005 và Nông Minh T, sinh ngày 20/7/2011 cho anh Nông Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi 02 (hai) cháu trưởng thành, tự lao động được. Chị Liêu Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Liêu Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Liêu Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016244 ngày 19/3/2019.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niên yết công khai tại nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Lượng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.